

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 – 02 – 2020
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi
con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH - QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2019/TLST - HNGĐ ngày 22/10/2019 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1988

Nơi cư trú: thôn A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1986

Nơi cư trú: Thôn 2 P, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 22/10/2019, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Lê Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Đức Đ có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 20/8/2007 tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra cãi vã to tiếng khiến cuộc sống hết sức căng thẳng. Chính vì vậy, từ cuối năm 2008 Chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở Nam Định sinh sống, từ đó cho đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn

nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Đức Đ để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên là Nguyễn Nữ Mỹ T, sinh ngày 03/12/2007. Nguyên vọng của Chị là từ nhỏ con đã ở với Chị, anh Đ không có trách nhiệm đối với con nên đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Cuộc sống chung của vợ chồng Chị chỉ được một thời gian ngắn thì ly thân nên chưa tôn tạo được tài sản chung gì để yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Đức Đ nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại gia đình anh Đ, ông Nguyễn Hữu Th - bố đẻ của anh Đ - cho biết: anh Đ hiện đang làm ăn ở Thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên, anh Đ không cho ông cũng như những người thân trong gia đình biết địa chỉ cụ thể; anh Đ vẫn liên lạc thường xuyên với Ông và gia đình. Ông cũng đã nhận được các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho anh Đ gồm Thông báo thụ lý vụ án số 256/2019/TB-TLVA ngày 23/10/2019; Thông báo phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập đến Tòa án tham gia hoà giải vào các ngày 08/11/2019 và 13/11/2019. Sau khi nhận được các văn bản trên của Tòa án ông đã thông báo cho anh Đ biết về sự việc chị N làm đơn ly hôn với anh và nội dung từng loại văn bản mà Tòa án gửi. Tuy nhiên, anh Đ trao đổi lại là anh không tham gia giải quyết tại Tòa án được, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông Th cũng đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa mà Tòa án gửi cho anh Đ và cam đoan sẽ báo cho anh Đ biết. Ngày 20/02/2020, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng tại phiên tòa anh Đ vắng mặt nên Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Sau khi hoãn phiên tòa, Tòa án tiếp tục tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến phiên tòa lần thứ 2 cho anh Đ. Ông Th đã nhận thay cho anh Đ và cam đoan giao lại hoặc thông báo ngay cho anh Đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do.

Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác nhận không có thông tin việc anh Nguyễn Đức Đ xuất, nhập cảnh.

Công an xã P, huyện B xác nhận anh Nguyễn Đức Đ có hộ khẩu thường trú tại Thôn 2 Ph, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện anh Đ không có mặt tại địa phương, khi đi không cất hộ khẩu cũng như không thông báo địa chỉ nơi đến cư trú nên không nắm được chính xác địa chỉ hiện tại của anh Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; phía bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án được Tòa án tổng đạt hợp lệ các

văn bản tố tụng, biết việc nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với mình nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, hai bên đã sống ly thân gần 12 năm nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Cho chị Lê Thị N được ly hôn anh Nguyễn Đức Đ; về con chung: giao con Nguyễn Nữ Mỹ T, sinh ngày 03/10/2007 cho chị Lê Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chấp nhận đề nghị của chị N không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; về quan hệ tài sản chung: nguyên đơn trình bày vợ chồng không có tài sản chung nên không phải xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị N và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện. Tòa án xác định đây là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung. Anh Nguyễn Đức Đ có hộ khẩu thường trú tại Thôn 2 Phúc Đồng, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình chuẩn bị xét xử vụ án, anh Nguyễn Đức Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần thông qua gia đình của anh Đ. Ông Nguyễn Hữu Th là bố đẻ của anh Đ khẳng định đã thông báo cho anh Đ biết toàn bộ nội dung các văn bản mà Tòa án tổng đạt cho anh Đ; anh Đ hiện đang ở trong nước và cũng biết rõ việc chị N khởi kiện ly hôn với anh, nhưng các lần Tòa án triệu tập làm việc cũng như xét xử anh Đ đều vắng mặt không có lý do. Ngày 20/02/2020, Tòa án đã tiến hành mở phiên toà lần thứ nhất nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên toà. Tòa án tiếp tục mở phiên toà vào ngày hôm nay và đã tổng đạt Giấy triệu tập cũng như Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ cho anh Đ. Tuy nhiên, tại phiên toà hôm nay anh Đ vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện, bị đơn - anh Nguyễn Đức Đ - cố tình không chấp hành việc triệu tập của Tòa án nhằm gây cản trở cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Đức Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, lẽ ra vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ tạo điều kiện về mọi mặt trong cuộc sống để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nhưng do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra xích mích dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2008 không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị N khẳng định, vợ chồng không còn

tình cảm, không thể trở lại sống chung cùng nhau được, vì vậy, chị kiên quyết xin ly hôn anh Đ để sớm ổn định cuộc sống bản thân; phía anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, anh biết việc chị N làm đơn xin ly hôn tại Tòa án thông báo thời gian làm việc tại Tòa án, nhưng anh không có mặt tại Tòa án cũng như có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị N. Điều này cũng thể hiện anh Đ không còn tình cảm gì với chị N, cố tình từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy, cần áp dụng các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu, nguyện vọng của chị N và con chung Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay con chung của vợ chồng là Nguyễn Nữ Mỹ T sống cùng chị N; chị N có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con; con của anh chị cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống với chị N. Vì vậy, cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con chung cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N cam kết có đủ điều kiện để nuôi con một mình, mặt khác, từ lúc vợ chồng sống ly thân đến nay anh Đ cũng hoàn toàn không có trách nhiệm gì với con. Vì vậy, chấp nhận trình bày của chị N, không buộc anh Nguyễn Đức Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị N.

[4] Về tài sản chung: Chị N khẳng định vợ chồng không có tài sản chung để yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không phải xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N, cho chị Lê Thị N ly hôn với anh Nguyễn Đức Đ.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nữ Mỹ T, sinh ngày 03/12/2007 cho chị Lê Thị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh Nguyễn

Đức Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không có nên không phải xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trách, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003321 ngày 22/10/2019. Chị N đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/02/2020); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bồ Trách;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trách;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Diệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hải Nguyễn Thùy Hương

Nguyễn Xuân Diệu

